

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 43/2021/HC-GĐT

Ngày 17/11/2021

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hà;

Các Thẩm phán: - Ông Trần Văn Cò;

- Ông Phạm Quốc Hưng;

- Bà Đào Thị Minh Thủy;

- Ông Nguyễn Biên Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Ông Nguyễn Việt Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*” giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960;

Cư trú tại thôn TN, xã TX, huyện SS, thành phố Hà Nội.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện SS, thành phố Hà Nội;

Địa chỉ: Thị trấn SS, huyện SS, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Đỗ Minh T, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện SS, thành phố Hà Nội là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 30/GUQ-UBND ngày 19/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện SS, thành phố Hà Nội).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân xã TX, huyện SS, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã TX: Ông Chu Văn P, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TX, huyện SS, thành phố Hà Nội là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 06/GUQ-UBND ngày 08/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã TX, huyện SS, thành phố Hà Nội).

- Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1983;

- Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1986;

Cùng cư trú tại thôn TN, xã TX, huyện SS, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2 đoạn NB - VY đã được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt tại Quyết định số 3863/QĐ-BGTVT ngày 22/12/2003. Ngày 17/9/2004, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 6057/QĐ-UB thu hồi 57.109 m² tại xã TX và xã TD, huyện SS, thành phố Hà Nội giao cho Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2 để đầu tư thực hiện Dự án nêu trên.

Ngày 10/10/2005, Tổ công tác giải phóng mặt bằng đã tiến hành kiểm đếm và lập Biên bản số 25/BB-GPMB đối với thửa đất số 89, kiểm kê khối lượng đền bù diện tích đất, tài sản, hoa màu trên diện tích đất phải giải phóng mặt bằng đối với gia đình bà Nguyễn Thị V, trong đó xác định gia đình bà V bị thu hồi 15,33 m² đất ở và trên phần đất bị thu hồi có sân gạch, sân bê tông, tường xây gạch, tường 110, cổng, cây dâu da xoan.

Ngày 15/5/2007, Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện SS ban hành Phương án bồi thường số 25/PA-GPMB đối với gia đình bà V, theo đó gia đình bà V được bồi thường đối với 15,33 m² đất ở và các tài sản trên đất với tổng giá trị là 61.746.050 đồng. Ngày 31/5/2007, UBND huyện SS ban hành Quyết định số 1446/QĐ-UB phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 9) phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án kèm Phương án đã được phê duyệt nêu trên. Ngày 21/8/2009, UBND huyện SS ban hành Quyết định số 9681/QĐ-UBND thu hồi 15,33 m² đất ở của hộ gia đình bà Nguyễn Thị V, giao cho Công ty cổ phần BOT Quốc lộ 2 để thực hiện dự án.

Ngày 05/3/2008, Tổ công tác giải phóng mặt bằng đã tiến hành kiểm đếm và lập Biên bản số 30/BB-GPMB đối với thửa đất số 89, kiểm kê khối lượng tài sản, hoa màu trên diện tích đất phải giải phóng mặt bằng đối với gia đình bà Nguyễn Thị V, trong đó xác định gia đình bà V bị thu hồi 29,93 m² đất hành lang giao thông, trên phần đất bị thu hồi không có tài sản; đồng thời lập biên bản kiểm đếm đất lưu không nhưng gia đình bà V không ký tên vào các biên bản.

Theo đại diện Ủy ban nhân huyện SS trình bày thì ngày 10/6/2009, Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện SS ban hành Phương án bồi thường số 30/PA-GPMB đối với gia đình bà V, xác định diện tích đất hành lang giao thông là 29,93 m² và được hỗ trợ 1.496.500 đồng. Do diện tích 29,93 m² đất của gia đình bà V được xác định là đất hành lang giao thông, nên Ủy ban nhân dân huyện SS không ban hành quyết định thu hồi đất với gia đình bà V. Ngày 24/8/2009, UBND huyện SS ban hành Quyết định số 9668/QĐ-UB phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2 đoạn NB - VY địa phận xã TX (đợt 13) kèm Phương án chi tiết nêu trên.

Không đồng ý với việc xác định nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi là đất hành lang giao thông và các phương án bồi thường, hỗ trợ nêu trên nên bà V làm đơn khiếu nại đề nghị xác định lại nguồn gốc đất; ngoài ra, bà V còn khiếu nại về việc gia đình bà còn có 02 gian quán lợp pro xi măng và 02 cây xoan đào nhưng không được kiểm kê để bồi thường cho gia đình bà.

Ngày 10/5/2010, UBND huyện SS, thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 3170/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của bà V đã xác định trong tổng số diện tích 45,26 m² đất bị thu hồi của gia đình bà V có 9,62 m² đất ở; 35,64 m² đất hành lang an toàn giao thông đường QL2; đối với việc bà V cho rằng gia đình bà có khoảng 16 m² của gian quán và 02 cây xoan đào nằm trong chỉ giới giải phóng mặt bằng QL2 nhưng chưa được kiểm kê là không có căn cứ; đồng thời, giao Hội đồng giải phóng mặt bằng dự án mở rộng, nâng cấp đường QL2 huyện và Công ty cổ phần BOT QL2 điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình bà V theo quy định.

Ngày 22/9/2011, bà V có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện SS yêu cầu xác định hành vi thu hồi đất của UBND huyện SS là trái với các quy định của pháp luật vì không ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt, ban hành và thực hiện quyết định cưỡng chế không đúng pháp luật (do không có quyết định thu hồi đất, không giao quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường là trái pháp luật); buộc UBND huyện SS phải bồi thường diện tích đất đã thu hồi thực tế 45,26 m² của gia đình bà theo giá đất thổ cư năm 2011 và tài sản trên đất là 02 gian quán bán hàng 20 m² và 02 cây xoan đào.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2014/HCST ngày 16/9/2014, Tòa án nhân dân huyện SS đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà V, xác định hành vi không giao các quyết định phê duyệt phương án bồi thường cho bà V là thiếu sót, không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện khác của bà V đối với UBND huyện SS.

Ngày 30/9/2014, bà V có đơn kháng cáo.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm, ngày 15/9/2015, bà V được UBND huyện SS giao các Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 và Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của UBND huyện SS. Cùng ngày 15/9/2015, bà V có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Quyết định hành chính phúc thẩm số 59/2015/QĐĐC-HCPT ngày 18/9/2015, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định chấp nhận yêu cầu rút đơn khởi kiện của bà V, hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2014/HCST ngày 16/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện SS và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Ngày 23/5/2016, bà V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện SS hủy một phần Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 và một phần Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của UBND huyện SS về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo 02 Phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết số 25/PA-GPMB ngày 15/5/2007 và số 30/PA-GPMB

ngày 10/6/2009 (phần liên quan đến diện tích bị thu hồi của gia đình bà); buộc UBND huyện SS phải bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi là 77,4 m² theo giá đất thổ cư, bồi thường bổ sung tài sản trên đất bị thu hồi là 21 m² của 02 gian quán bán hàng và 01 cây xoan đào.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 139/2018/QĐST-HC ngày 20/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 218/2017/TLST-HC ngày 02/10/2017 về khiếu kiện Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban nhân dân huyện SS, giữa:

- *Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị V;*

- *Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện SS, thành phố Hà Nội.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/3/2019, bà V có đơn kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 139/2018/QĐST-HC nêu trên.

Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 34/2019/QĐ-PT ngày 15/5/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị V, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 139/2018/QĐST-HC ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 26/4/2020, bà Nguyễn Thị V có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định hành chính phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 40/2021/KN-HC ngày 10/9/2021, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 34/2019/QĐ-PT ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 34/2019/QĐ-PT ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 139/2018/QĐST-HC ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 (nay là điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015)

thì thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính. Ngày 15/9/2015, bà V được Ủy ban nhân dân huyện SS giao các Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 và Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của UBND huyện SS. Ngày 23/5/2016, bà V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện SS hủy một phần Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 và Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của UBND huyện SS là còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đều nhận định mặc dù ngày 15/9/2015, bà V mới nhận được các Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 và Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của UBND huyện SS, nhưng thực tế bà V đã biết được nội dung các Quyết định nêu trên, thể hiện ở việc bà V đã làm đơn khiếu nại và được Ủy ban nhân dân huyện SS giải quyết bằng Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 10/5/2010; nay bà V khởi kiện lại vụ án là đã hết thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 (nay là điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015) và đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng. Bởi lẽ, bà V là đối tượng bị tác động trực tiếp bởi các Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 và Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của UBND huyện SS, nên bà V là đối tượng được nhận quyết định, do đó, thời hiệu khởi kiện vụ án này được tính từ ngày bà V nhận được các Quyết định nêu trên (là ngày 15/9/2015) chứ không phải tính từ ngày bà V biết được các Quyết định này.

[3] Ngoài ra, Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của UBND huyện SS cũng không có nội dung thể hiện về việc giải quyết khiếu nại của bà V đối với các Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 và Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của UBND huyện SS như Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã nhận định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 266, khoản 3 Điều 272 và Điều 274 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 40/2021/KN-HC ngày 10/9/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 34/2019/QĐ-PT ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

2. Hủy Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 34/2019/QĐ-PT ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 139/2018/QĐST-HC ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- TAND CC tại TP Hà Nội;
- VKSND CC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ GDKTIII (3b), VP (TANDTC), Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hà